

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HS-ST
Ngày: 20-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Việt Hưng

2. Ông Triệu Xuân Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Trinh và ông Nông Văn Thượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Hà Văn H; (Tên gọi khác: Không có). Sinh ngày 19/02/1981 tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKHKT: Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn C, sinh năm 1955 và bà Phùng Thị S, sinh năm 1955; Bị cáo có vợ là Dương Thị N, sinh năm 1984 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2007;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/3/2021 đến ngày 31/5/2021. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Dương Thị N; (Tên gọi khác: Không có). Sinh ngày 07/7/1984 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng. Nơi ĐKKHKT: Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Văn P và bà Lý Thị K (đều đã chết);

Bị cáo có chồng là Hà Văn H, sinh năm 1981 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2007;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/3/2021 đến ngày 31/5/2021. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn H và bị cáo Dương Thị N:* Ông Sầm Đức T – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

* *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn - Địa chỉ: Khu I, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Tấn T, sinh năm 1976 - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Theo văn bản số 604/UBND-NN, ngày 01/4/2021 của UBND huyện N). Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Hà Văn C, sinh năm 1955

- Bà Phùng Thị S, sinh ngày năm 1955

Cùng ĐKHKTT: Thôn K, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có lý do.

* *Người làm chứng:* Anh Hà Minh T, sinh năm 1995. Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/11/2020, Hạt kiểm lâm huyện N, tỉnh Bắc Kạn phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn tiến hành kiểm tra phát hiện một phần diện tích thuộc khu rừng L thuộc thôn K, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn của hộ gia đình ông Hà Văn C, sinh năm 1955, trú tại thôn K, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn được Ủy ban nhân dân huyện N giao khoán, bảo vệ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C389726 ngày 20/12/1994 đã bị phát phá trái phép để lấy đất canh tác.

Ngày 23/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, đo đạc, thống kê diện tích rừng bị hủy hoại, sử dụng máy định vị Garmin GPSMAP 64S (máy đo do Hạt kiểm lâm huyện N cung cấp). Kết quả: Diện tích rừng bị phát phá trái phép tại lô 12, khoảnh 12, tiểu khu 119 thuộc khu rừng L, thôn K, xã Bằng Vân, huyện N, tỉnh Bắc Kạn có tổng diện tích là 20.060m², tổng số cây tự nhiên bị chặt hạ nằm rải rác tại hiện trường. Qua đo, đếm xác định được tổng là 205 cây có khối lượng 40,333 m³ gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII (cây cao trung bình 07 mét; đường kính từ 10cm đến

55cm, tán cây che phủ tương đối đều trên toàn bộ diện tích). Căn cứ bản đồ quy hoạch 3 loại rừng ban hành kèm theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Kạn và bản đồ hiện trạng rừng năm 2019 của xã B theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 27/02/2020 của UBND huyện N thì diện tích rừng bị phát phá có chức năng rừng sản xuất là rừng tự nhiên, hiện trạng rừng TXP (rừng gỗ tự nhiên núi đất) do Ủy ban nhân dân huyện N quản lý.

Quá trình điều tra xác định đối tượng phát phá diện tích rừng trên là Hà Văn H, sinh năm 1981 và Dương Thị N, sinh năm 1984, cùng trú tại Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn phát phá trái phép vào khoảng tháng 9 đến tháng 11 năm 2020 với mục đích để lấy đất canh tác.

Kết quả thực nghiệm điều tra ngày 19/3/2021: Hà Văn H và Dương Thị N khẳng định diện tích phá phá đúng với diện tích xác định tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 23/12/2020 và tự sử dụng các công cụ dao, búa, máy cưa lóc để diễn tả lại hành vi phát, cắt, chặt cây đã thực hiện khi phát phá rừng trái phép.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 04/KL-HĐĐG ngày 04/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện N kết luận: Tổng giá trị của 40,333m³ gỗ tròn tại thời điểm xảy ra vụ việc là 20.166.500 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Hà Văn H và Dương Thị N khai nhận: Khoảng năm 2014, H và N được bố mẹ là ông Hà Văn C và bà Phùng Thị S chia cho quản lý, bảo vệ một phần diện tích rừng được Ủy ban nhân dân huyện N giao cho hộ gia đình ông Hà Văn C tại khu rừng L thuộc thôn K, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Do thiếu đất sản xuất nên khoảng tháng 7 năm 2020 (âm lịch) tức tháng 9 năm 2020, H cùng vợ là Dương Thị N bàn với nhau cùng tiến hành phát phá khu rừng trên với mục đích trồng cây thông và cây ăn quả nhằm phát triển kinh tế gia đình. Trước khi phát, khu rừng có các cây thân gỗ, chủ yếu là cây kháo ngựa, sâu sấu...kích thước to nhỏ khác nhau, đang sống mọc rải đều trên diện tích rừng, các cây này có giá trị kinh tế thấp. Trong khoảng thời gian 02 tháng, tận dụng những ngày thời tiết thuận lợi, N sử dụng 01 (một) con dao để phát quang cây bụi, cây nhỏ, H sử dụng 01 (một) búa, 01 (một) máy cưa lóc tiến hành chặt, cưa đổ các cây gỗ tự nhiên theo hướng từ dưới khe lên sườn đồi đến hết diện tích. Sau khi chặt phá rừng xong, các cây gỗ được H và N để tại chỗ với ý định chờ khô sau đó đốt để tăng độ màu mỡ của đất và tận dụng một số cây để làm lán dựng vật tư phục vụ cho việc trồng và chăm sóc cây. Quá trình thực hiện, H và N không nói, không rủ rê, bàn bạc với người nào khác, không xin phép cá nhân, cơ quan chức năng nào.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSNS, ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố các bị cáo Hà Văn H và Dương Thị N về tội: “*Hủy hoại rừng*” theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hà Văn H và Dương Thị N phạm tội “Hủy hoại rừng”. Đề nghị xử lý các bị cáo như sau:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, Điều 17, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt các bị cáo Hà Văn H và Dương Thị N mỗi bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo vào trại thụ hình.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Số lâm sản còn lại quá trình điều tra, công an huyện N đã bàn giao cho UBND huyện N xử lý theo thẩm quyền nên không xem xét.

Tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước: 01 (một) cửa lốc (máy chạy bằng xăng). Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao quắm kim loại màu đen; 01 búa bằng kim loại màu đen; Sung quỹ nhà nước số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) hai bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Về án phí: Các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho các bị cáo có bản bào chữa nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội để áp dụng hình phạt đối với các bị cáo. Xét các bị cáo phá rừng tại khu đất mà hai bị cáo đã được cấp có thẩm quyền ra quyết định giao đất, phê duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mục đích phát phá để có đất canh tác, phát triển kinh tế gia đình. Cả hai bị cáo đều có trình độ học vấn thấp, đều là lao động chính trong gia đình, có con nhỏ chưa thành niên. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị xử phạt mỗi bị cáo 03 năm tù cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn toàn bộ án phí cho các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Hà Văn H và Dương Thị N khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bản bào chữa của người bào chữa; Các bị cáo, không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì. Nguyên đơn dân sự không có ý kiến tranh luận hay khiếu nại gì. LỜI SAU CÙNG CÁC BỊ CÁO XIN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XEM XÉT GIẢM NHẸ HÌNH PHẠT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân, lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, vật chứng tại hiện trường, công cụ dùng để phát phá rừng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Do có nhu cầu lấy đất canh tác nên vào khoảng thời gian từ tháng 9 đến tháng 11 năm 2020, Hà Văn H, sinh năm 1981 và Dương Thị N, sinh năm 1984 cùng trú tại Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã có hành vi dùng dao, búa và máy cưa lốc phát phá trái phép được diện tích 20.060m² rừng sản xuất là rừng tự nhiên, gây thiệt hại 40,333m² gỗ tròn từ nhóm V đến nhóm VIII có giá trị 20.166.500 đồng tại lô 12, khoảnh 12, tiểu khu 119 khu rừng L thuộc thôn K, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn truy tố các bị cáo Hà Văn H, Dương Thị N về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a)...

đ) Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 50.000 mét vuông (m²)

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm...”

Trong vụ án này, hai bị cáo là đồng phạm, tuy nhiên, tính chất đồng phạm là giản đơn, hai bị cáo đều cùng bàn bạc và đều có vai trò là người thực hành. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Nguyên nhân điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội là do sự nhận thức, hiểu biết pháp luật của các bị cáo có phần hạn chế, vì muốn lấy đất để trồng cây, phát triển kinh tế gia đình nên đã có hành vi chặt phá, xâm phạm đến rừng tự nhiên.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sự bền vững và ổn định của môi trường, gây khó khăn cho công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng của Nhà nước, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo

Bị cáo Hà Văn H và Dương Thị N đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm. Các bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền, mỗi bị cáo 1.000.000đ (một triệu đồng) để khắc phục hậu quả do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn, thể hiện thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với 02 bị cáo, do đó, xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt đối với bị cáo

Về hình phạt chính: Đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên là có căn cứ. Tuy nhiên xét tính chất hành vi phạm tội, nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương. Việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh trật tự an toàn xã hội. Hình phạt người bào chữa đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Hình phạt bổ sung: Xét mục đích của các bị cáo hủy hoại rừng là để trồng cây phát triển kinh tế gia đình, ngoài ra không có mục đích nào khác nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự chấp nhận số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) do các bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N để bồi thường, khắc phục hậu quả và không

yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm. Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này giữa nguyên đơn dân sự và các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

01 (một) máy cưa lóc (máy chạy bằng xăng), máy cũ đã qua sử dụng, không còn hoạt động là vật chứng có giá trị cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

01 (một) con dao quắm kim loại; 01 (một) búa bằng kim loại không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số vật chứng là 205 cây gỗ có kích thước khác nhau, từ nhóm V đến nhóm VIII có tổng khối lượng 40,333m³ (Bốn mươi phẩy ba ba ba mét khối), quá trình điều tra, Công an huyện N đã bàn giao cho UBND huyện N xử lý theo thẩm quyền. Xét thấy, việc bàn giao trên là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và đều có đơn xin miễn án phí nên các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

[8] Đối với ông Hà Văn C và bà Phùng Thị S là những người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để quản lý, bảo vệ diện tích rừng bị hủy hoại. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định ông C, bà S đã chia đất cho H và N để quản lý, bảo vệ từ năm 2014, khi thực hiện hành vi hủy hoại rừng, ông C, bà S không được H, N nói, bàn bạc. Ông, bà không tham gia vào hành vi của các bị cáo nên cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Hà Minh T (em trai của Hà Văn H) có biết sự việc hai bị cáo phát phá rừng nhưng không báo cơ quan chức năng. Tuy nhiên, T không biết việc phát phá rừng của hai bị cáo là trái pháp luật, không tham gia vào hành vi của các bị cáo nên cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 (một) con đường đất (rộng 3,0 mét, dài 110 mét) đi qua giữa diện tích rừng bị phá hoại, quá trình điều tra xác định con đường là đường dân sinh đã có trước đó từ lâu, không phải đường do các bị cáo mở để thực hiện hủy hoại rừng nên cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Hà Văn H, Dương Thị N phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

[2] Căn cứ điểm đ, khoản 2 Điều 243, Điều 17, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Hà Văn H 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ, khoản 2 Điều 243, Điều 17, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Dương Thị N 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Hà Văn H và Dương Thị N cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này”.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự và các bị cáo về mức bồi thường. Sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) do các bị cáo Hà Văn H và Dương Thị N nộp theo biên lai thu số 08107, 08108 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) máy cưa lóc (máy chạy bằng xăng), có vỏ máy bằng nhựa màu cam, trên vỏ máy có dòng chữ NEW – WEST in nổi, không có dây giật nổ, gắn lưỡi lam và xích dài 60cm, có tay cầm sau và thanh bảo vệ màu xám, không có tay cầm trước, máy cũ đã qua sử dụng, không còn hoạt động được.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) con dao quắm kim loại màu đen một lưỡi đã han rỉ, chỗ rộng nhất 05 cm, đường kính chuôi 3,4cm (có một vết mẻ ở đầu lưỡi dao).

- 01 (một) búa bằng kim loại màu đen một lưỡi đã han rỉ có kích thước (12x5x3,6) cm, có tra cán bằng gỗ dài 25cm.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/6/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hà Văn H, Dương Thị N được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

[6] Quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- CA huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- UBND xã B;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNV liên quan;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ